

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH



NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÁC
DOANH NGHIỆP LÂM NGHIỆP Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Kế toán

Mã số : 9.34.03.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2021

Công trình được hoàn thành tại: Học viện Tài chính

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Chúc Anh Tú
2. TS. Nguyễn Thị Ngọc Thạch

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại

Vào hồi ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Học viện Tài chính;
- Thư viện Quốc Gia.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Việt Nam là quốc gia nổi tiếng với hệ sinh thái rừng có giá trị đa dạng sinh học cao. Trong những năm qua, Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên, môi trường. Trong đó, chính sách giao đất rừng sản xuất cho các doanh nghiệp lâm nghiệp (DNLN) là giải pháp mang tính đột phá cho việc gìn giữ và phát triển rừng, cũng như thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế, cạnh tranh gia tăng cũng như xu hướng phát triển nền kinh tế xanh đã đặt ra những yêu cầu mới cho các DNLN trong việc kiểm soát, quản lý. Với lĩnh vực kinh doanh đặc thù, để đứng vững và phát triển hiệu quả, các DNLN phải thực sự đổi mới toàn diện công cụ quản lý. Một trong những công cụ quản lý kinh tế quan trọng là hệ thống kế toán, trong đó kế toán doanh thu (DT), chi phí (CP) và kết quả kinh doanh (KQKD) cần được quan tâm hàng đầu. Bởi vì DT, CP và KQKD đều là những đối tượng kế toán quan trọng thể hiện tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả đã lựa chọn đề tài: *“Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam”* làm đề tài nghiên cứu cho luận án tiến sĩ của mình, để từ đó đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán DT, CP và KQKD tại các DNLN ở Việt Nam.

2. Tổng quan các nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án

Tác giả đã nghiên cứu tổng quan các công trình trong và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án, qua đó rút ra khoảng trống mà luận án tiếp tục nghiên cứu.

3. Mục tiêu nghiên cứu của luận án

Mục tiêu tổng quát của luận án là nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán DT, CP và KQKD tại các DNLN ở Việt Nam trên hai phương diện kế toán tài chính (KTTC) và kế toán quản trị (KTQT). Để giải quyết mục tiêu tổng quát, tác giả xác định các mục tiêu cụ thể như sau:

Thứ nhất, hệ thống hóa và làm sáng tỏ khung lý thuyết cơ bản về kế toán DT, CP và KQKD trong các doanh nghiệp trên hai phương diện KTTC và KTQT.

Thứ hai, khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng kế toán DT, CP và KQKD tại các DNLN ở Việt Nam trên hai phương diện KTTC và KTQT, làm rõ những kết quả đạt được cũng như những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế.

Thứ ba, đưa ra các đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán DT, CP và KQKD tại các DNLN ở Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

Đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án là các vấn đề lý luận và thực trạng kế toán DT, CP và KQKD tại các DNLN ở Việt Nam trên phương diện KTTC và KTQT.

Phạm vi nghiên cứu của luận án

- *Về nội dung nghiên cứu*: Luận án nghiên cứu kế toán DT, CP và KQKD trên hai phương diện KTTC và KTQT tại các DNLN ở Việt Nam. Để đảm bảo tính tập trung về đặc thù ngành lâm nghiệp, luận án

chỉ nghiên cứu về kế toán DT, CP và KQKD trong hoạt động trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ và khai thác rừng, không nghiên cứu hoạt động chế biến gỗ hay các hoạt động SXKD khác tại DNLN. Nội dung về cung cấp thông tin trên BCTC chỉ nghiên cứu BCTC riêng của các DNLN, không nghiên cứu về BCTC hợp nhất.

- *Về không gian nghiên cứu:* Nghiên cứu kế toán DT, CP và KQKD tại các DNLN ở Việt Nam. Luận án không nghiên cứu tại các đơn vị không đăng ký hoạt động theo Luật doanh nghiệp mà hoạt động theo mô hình hộ gia đình, trang trại, hợp tác xã lâm nghiệp.

- *Về thời gian nghiên cứu:* Tác giả khảo sát thực tế và thu thập các dữ liệu về hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán, hệ thống BCTC, báo cáo KTQT của các DNLN ở Việt Nam trong khoảng thời gian từ năm 2018 - 2020.

5. Phương pháp nghiên cứu của luận án

5.1. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng kết hợp những phương pháp nghiên cứu cơ bản của khoa học kinh tế như phương pháp so sánh, thống kê, phân tích, sơ đồ hóa... để nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn; đồng thời sử dụng linh hoạt phương pháp nghiên cứu định tính để giải quyết các vấn đề theo đúng mục tiêu nghiên cứu đã đề ra.

5.2. Phương pháp thu thập thông tin

5.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp

Dữ liệu sơ cấp của luận án bao gồm các thông tin, dữ liệu do tác giả thu thập, tổng hợp về thực trạng kế toán DT, CP và KQKD tại các DNLN ở Việt Nam. Để thu thập được dữ liệu sơ cấp, tác giả áp dụng kết hợp nhiều phương pháp như phương pháp điều tra qua phiếu khảo sát, phỏng vấn sâu, quan sát...

Phương pháp điều tra qua phiếu khảo sát

Dữ liệu này được tác giả thu thập từ 65 DNLN chuyên hoạt động trong lĩnh vực trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng, bao gồm các doanh nghiệp với các loại hình khác nhau như công ty TNHH, công ty cổ phần...

Phiếu khảo sát được thiết kế thành hai mẫu và được gửi tương ứng đến hai nhóm đối tượng khác nhau với số lượng tổng cộng là 195 phiếu. Trong đó, 65 phiếu khảo sát gửi cho nhóm thứ nhất là các nhà quản trị cấp cao của DNLN và 130 phiếu khảo sát gửi cho nhóm thứ hai là những người làm công tác kế toán (kế toán trưởng và nhân viên kế toán) tại các DNLN.

Phương pháp phỏng vấn sâu

Phương pháp phỏng vấn sâu được thực hiện thông qua việc phỏng vấn trực tiếp hoặc gọi điện thoại tới 20 người là nhà quản trị hoặc kế toán trưởng tại các DNLN ở Việt Nam và 05 chuyên gia trong lĩnh vực kế toán nhằm tìm hiểu thêm những thông tin mà phương pháp điều tra qua phiếu khảo sát chưa đề cập cụ thể.

5.2.2. Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp

Các dữ liệu thứ cấp được tác giả thu thập từ các kênh thông tin có sẵn như: website của các DNLN ở Việt Nam, website của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; giáo trình, bài giảng, bài viết trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước; các tài liệu, chứng từ, sổ sách kế toán và các báo cáo kế toán tại các DNLN ở Việt Nam...

5.3. Phương pháp xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu

Việc xử lý, tổng hợp và đánh giá kết quả khảo sát được thực hiện thông qua các phương pháp như: phương pháp thống kê, diễn giải, quy nạp, so sánh, phân tích, mô hình hóa qua sơ đồ, bảng biểu. Đồng

thời, các phiếu khảo sát được tác giả tổng hợp kết quả trên phần mềm Excel của Microsoft Office, để từ đó tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng kế toán DT, CP và KQKD tại các DNLN ở Việt Nam.

6. Đóng góp của luận án

Về mặt lý luận

Luận án đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán DT, CP và KQKD tại các doanh nghiệp trên hai phương diện KTTC và KTQT. Đồng thời, luận án đã tổng hợp các chuẩn mực kế toán quốc tế về DT, CP liên quan tới lĩnh vực lâm nghiệp để làm cơ sở đề xuất các giải pháp hoàn thiện.

Về mặt thực tiễn

Luận án đã nghiên cứu, phân tích thực trạng kế toán DT, CP và KQKD tại các DNLN ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, luận án đã chỉ rõ các kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế trong công tác kế toán DT, CP và KQKD tại các doanh nghiệp này. Luận án cũng xác định được những nguyên nhân của hạn chế để làm cơ sở đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán DT, CP và KQKD tại các DNLN ở Việt Nam, đồng thời chỉ rõ điều kiện để thực hiện các giải pháp.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận án được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam.

Chương 3: Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP

1.1. Bản chất, phân loại doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp

1.1.1. Bản chất và phân loại doanh thu

1.1.1.1. Bản chất của doanh thu

Tác giả đã tổng hợp và phân tích một số quan điểm khác nhau về doanh thu và thu nhập trên phương diện quốc tế và ở Việt Nam. Qua đó, tác giả nhận thấy bản chất của thu nhập trong doanh nghiệp là sự tăng thêm về lợi ích kinh tế của doanh nghiệp thông qua các hoạt động trong kỳ kế toán dẫn đến sự tăng lên của vốn chủ sở hữu mà không tính đến khoản vốn góp của các cổ đông hay chủ sở hữu. Trong đó, thu nhập bao gồm DT phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường, được phát sinh đều đặn và thường xuyên trong doanh nghiệp (như hoạt động bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ, đầu tư tài chính...); và thu nhập khác phát sinh từ các hoạt động bất thường ngoài các hoạt động tạo ra DT.

1.1.1.2. Phân loại doanh thu

DT phát sinh từ nhiều nguồn, từ nhiều hoạt động khác nhau trong các doanh nghiệp. Vì vậy doanh nghiệp có thể có nhiều cách phân loại DT khác nhau nhằm phục vụ cho công tác kế toán và quản lý DT. Tác giả đã khái quát một số cách phân loại DT chủ yếu tại các doanh nghiệp phân tích mục đích của từng cách thức phân loại.

1.1.2. Bản chất và phân loại chi phí

1.1.2.1. Bản chất của chi phí

Có nhiều cách tiếp cận CP khác nhau, tuy nhiên bản chất của CP là sự suy giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán của doanh nghiệp nhằm tạo ra thu nhập cho doanh nghiệp trên cơ sở những bằng chứng tin cậy và phù hợp với thu nhập.

1.1.2.2. Phân loại chi phí

Để phục vụ cho việc quản lý CP và ra các quyết định kinh doanh hiệu quả, các doanh nghiệp cần nhận diện, phân loại CP theo nhiều tiêu thức khác nhau. Mỗi cách phân loại CP sẽ cung cấp thông tin cần thiết, phù hợp với từng mục đích nhất định. Tác giả khái quát việc phân loại CP trong các doanh nghiệp và phân tích mục đích của từng cách thức phân loại.

1.1.3. Bản chất và phân loại kết quả kinh doanh

1.1.3.1. Bản chất của kết quả kinh doanh

Theo quan điểm của tác giả, KQKD là chỉ tiêu phản ánh kết quả cuối cùng của tất cả các hoạt động trong doanh nghiệp. Trong đó, kết quả từng loại hoạt động là phần chênh lệch giữa thu nhập và CP tương ứng mà doanh nghiệp phải bỏ ra.

1.1.3.2. Phân loại kết quả kinh doanh

KQKD của doanh nghiệp có thể được phân loại theo các cách khác nhau phụ thuộc vào yêu cầu thông tin phục vụ cho quản lý và thực trạng hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp. Tác giả đưa ra các cách phân loại KQKD và phân tích mục đích của từng cách thức phân loại.

1.2. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp

1.2.1. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp trên phương diện kế toán tài chính

1.2.1.1. Thu nhập thông tin kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Để thu nhận thông tin kế toán có hiệu quả, cần thực hiện trên cơ sở xác định rõ ràng nguồn thu nhận thông tin và phương tiện thu nhận thông tin.

1.2.1.2. Xử lý, hệ thống hóa thông tin kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Để xử lý, hệ thống hóa thông tin kế toán DT, CP và KQKD, các doanh nghiệp cần dựa vào các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán quy định về thời điểm ghi nhận và nguyên tắc xác định.

Căn cứ vào hệ thống chứng từ kế toán thu nhận được, doanh nghiệp mở các tài khoản kế toán tổng hợp và tài khoản kế toán chi tiết phản ánh DT, CP và KQKD để theo dõi, tổng hợp. Đồng thời, các doanh nghiệp sẽ linh hoạt vận dụng các mẫu sổ chi tiết, sổ tổng hợp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính sao cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý tại đơn vị.

1.2.1.3. Cung cấp thông tin kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Các thông tin DT, CP và KQKD chủ yếu được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được giải trình chi tiết trên Bản thuyết minh BCTC. Các thông tin về DT được trình bày trên BCTC phải chi tiết theo từng loại hoạt động. Các thông tin về CP phục vụ lập BCTC sẽ được phân loại theo chức năng hoạt động. Ngoài ra, các thông tin DT, CP còn được thể hiện qua Báo cáo lưu chuyển tiền tệ để đánh giá hiệu quả kinh doanh thông qua việc xem xét, đánh giá các luồng tiền trong doanh nghiệp.

1.2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp trên phương diện kế toán quản trị

1.2.2.1. Xây dựng định mức, lập dự toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Hệ thống định mức CP thường bao gồm: định mức CP NVL trực tiếp, định mức CP nhân công trực tiếp, định mức CP sản xuất chung, định mức CP bán hàng và định mức CP quản lý doanh nghiệp (QLDN). Mỗi loại CP khác nhau sẽ có cách thức xây dựng định mức CP khác nhau.

Định mức được xây dựng cho một đơn vị sản phẩm còn dự toán được xây dựng cho toàn bộ sản lượng sản phẩm (theo kế hoạch). Việc xây dựng dự toán có thể đi từ tổng thể cho tới chi tiết hoặc ngược lại từ chi tiết cho tới tổng thể. Một dự toán tổng thể thường được cấu thành bởi các dự toán chi tiết sau: (i) Dự toán tiêu thụ; (ii) Dự toán sản xuất; (iii) Dự toán giá vốn hàng bán; (iv) Dự toán CP bán hàng, CP QLDN; (v) Dự toán KQKD.

1.2.2.2. Thu nhận, xử lý thông tin thực hiện về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

KTQT thường sử dụng hệ thống chứng từ kế toán được xây dựng trên cơ sở hệ thống chứng từ của KTTC nhưng được bổ sung thêm các chỉ tiêu, các thông tin chi tiết hơn với mục đích ghi nhận thông tin một cách cụ thể nhằm cung cấp các thông tin hữu ích cho nhà quản trị. Để xử lý thông tin thực hiện DT, CP và KQKD, hệ thống KTQT cũng sử dụng các phương pháp tương tự như xử lý thông tin KTTC như: phương pháp tính giá, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp ghi chép trên sổ sách kế toán.

1.2.2.3. Cung cấp thông tin doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Thông tin kế toán về DT, CP và KQKD sau khi được thu nhận, xử lý thông qua hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán sẽ được phân tích nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho nhà quản trị thông qua các báo cáo KTQT.

1.3. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại một số quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam

1.3.1. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo hệ thống kế toán Mỹ

Mỹ là quốc gia có nền kinh tế phát triển trên mọi lĩnh vực, vì vậy Mỹ có bề dày phát triển hệ thống kế toán cả trên góc độ lý luận cũng như thực tế. Đặc trưng cơ bản của mô hình kế toán Mỹ là hệ thống KTTC và KTQT kết hợp chặt chẽ với nhau trong cùng một bộ máy kế toán.

1.3.2. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo hệ thống kế toán Trung Quốc

Các doanh nghiệp Trung Quốc hiện nay phần lớn áp dụng tổ chức kế toán DT, CP theo mô hình kết hợp giữa KTTC và KTQT, trong đó quan tâm đến KTQT CP nhằm mục tiêu kiểm soát và cắt giảm CP. Việc ghi nhận DT, CP và KQKD theo chế độ kế toán Trung Quốc được quy định phù hợp với hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế.

1.3.3. Bài học kinh nghiệm về vận dụng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam

Thứ nhất, các DNLN ở Việt Nam nên vận dụng mô hình kết hợp giữa KTTC và KTQT trong cùng một hệ thống kế toán nhằm nâng cao hiệu quả công tác kế toán.

Thứ hai, hệ thống KTTC tại các DNLN ở Việt Nam khi xây dựng phải đảm bảo nguyên tắc đơn giản, minh bạch, dễ kiểm soát, và có tính mở.

Thứ ba, các DNLN Việt Nam cần quan tâm hơn nữa tới xây dựng hệ thống KTQT.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương 1, tác giả đã tập trung làm rõ lý luận cơ bản về kế toán DT, CP và KQKD tại các doanh nghiệp trên hai phương diện KTTC và KTQT. Ngoài ra, chương 1 còn đi sâu nghiên cứu kinh nghiệm kế toán DT, CP và KQKD tại một số quốc gia có nền kinh tế phát triển trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc, từ đó đưa ra định hướng vận dụng kế toán DT, CP và KQKD tại các DNLN ở Việt Nam.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP LÂM NGHIỆP Ở VIỆT NAM

2.1. Tổng quan về các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam

Cùng với quá trình phát triển của đất nước, các DNLN nước ta có lịch sử hình thành và phát triển trải qua nhiều giai đoạn, liên tục được đổi mới và hoàn thiện để phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế.

2.1.2. Quản lý Nhà nước và cơ chế tài chính tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam

** Quản lý Nhà nước trong lĩnh vực lâm nghiệp ở Việt Nam*

Hệ thống quản lý Nhà nước về lâm nghiệp ở Việt Nam được tổ chức theo cơ cấu bốn cấp từ Trung ương đến địa phương, bao gồm: cấp Trung ương, cấp tỉnh/thành phố, cấp huyện, và cấp xã.

** Cơ chế tài chính tại các DNLN ở Việt Nam*

Cơ chế tài chính tại DNLN ở Việt Nam hiện nay được xây dựng theo một trong hai mô hình sau:

- Mô hình 1: Tổng công ty - Công ty thành viên (Công ty mẹ - công ty con).

- Mô hình 2: Các DNLN độc lập

2.1.3. Đặc điểm sản phẩm và tổ chức sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam

** Đặc điểm hoạt động sản xuất lâm nghiệp*

Thứ nhất, tư liệu sản xuất trong lâm nghiệp là tài nguyên rừng, một loại tài sản sinh học luôn sinh trưởng và phát triển.

Thứ hai, các sản phẩm lâm nghiệp thường trải qua chu kỳ sản xuất dài.

Thứ ba, hoạt động sản xuất lâm nghiệp thường được tổ chức ở các khu vực miền núi, vùng sâu vùng xa, và chịu ảnh hưởng lớn của yếu tố tự nhiên.

Thứ tư, hoạt động lâm nghiệp mang tính xã hội.

** Đặc điểm và phân loại sản phẩm lâm nghiệp*

Sản phẩm từ sản xuất lâm nghiệp tại các DNLN hiện nay bao gồm hai loại chính, gồm: (i) các sản phẩm khai thác từ rừng (gỗ hoặc lâm sản ngoài gỗ); và (ii) các sản phẩm, dịch vụ công ích (trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ). Ngoài ra, doanh nghiệp có thể phân loại rừng cây thành hai loại, gồm: Rừng cây lấy gỗ và rừng cây lâm sản phẩm ngoài gỗ.

** Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh lâm nghiệp*

Trong quá trình hoạt động, các DNLN thường tổ chức sản xuất lâm nghiệp chủ yếu theo hai mô hình sau: (i) doanh nghiệp tự tổ chức trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng hoặc (ii) doanh nghiệp giao khoán rừng. Trong đó, các DNLN có thể thực hiện giao khoán theo từng công đoạn hoặc khoán cả chu kỳ kinh doanh rừng.

2.1.4. Đặc điểm về tổ chức quản lý tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam

Các DNLN ở Việt Nam chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, thuộc loại hình Công ty TNHH MTV. Các doanh nghiệp này có thể là DNLN độc lập có vốn sở hữu của Nhà nước, chịu sự quản lý của các UBND tỉnh, hoặc các DNLN trực thuộc Tổng công ty.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam

2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam

Theo kết quả khảo sát, 82,8% các DNLN tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Đây phần lớn là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa (Công ty TNHH MTV). Còn lại 17,2% DNLN tổ chức theo hình thức nửa tập trung, nửa phân tán, là những doanh nghiệp có quy mô lớn như Tổng công ty, công ty cổ phần.

Ngoài ra, 89,7% DNLN đã thực hiện tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình kết hợp giữa công tác KTTC và KTQT. Còn lại 10,3% doanh nghiệp không thực hiện công tác KTQT.

2.1.5.2. Chế độ và phương pháp kế toán tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam

Theo kết quả khảo sát, 100% DNLN thực hiện chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Về hình thức kế toán: 81,7% DNLN sử dụng hình thức Nhật ký chung. Còn lại 18,3% doanh nghiệp sử dụng hình thức Chứng từ ghi sổ. Ngoài ra, không có doanh nghiệp nào áp dụng các hình thức kế toán khác như Nhật ký - Chứng từ hay Nhật ký - Sổ cái.

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam

2.2.1. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam trên phương diện kế toán tài chính

2.2.1.1. Thực trạng thu nhận thông tin kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

DT của các DNLN có nguồn hình thành chủ yếu từ việc khai thác lâm sản và cung ứng các dịch vụ từ rừng. Tùy thuộc vào đặc tính từng loại rừng mà các DNLN phát sinh các nội dung DT khác nhau. Việc khai thác rừng trồng có thể được thực hiện theo hai hình thức sau: (i) DNLN tổ chức bán cây đứng hoặc (ii) DNLN tự khai thác hoặc đấu thầu đơn vị thi công khai thác gỗ trong diện tích rừng trồng. Ngoài ra, có 44,8% DNLN phát sinh khoản tiền thu từ dịch vụ môi trường rừng và ghi nhận chúng là DT cung cấp dịch vụ trong kỳ.

2.2.1.2. Thực trạng xử lý, hệ thống hóa thông tin kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

a. Thực trạng xử lý, hệ thống hóa thông tin kế toán doanh thu

Để theo dõi và hạch toán DT bán hàng, 100% các DNLN đều sử dụng TK 511 “DT bán hàng và cung cấp dịch vụ”. Bên cạnh đó, 62,1% DNLN thực hiện mở thêm các TK chi tiết cấp II cho TK 511 theo hướng dẫn của chế độ kế toán hiện hành. Đồng thời, 72,4% doanh nghiệp mở TK theo dõi chi tiết DT bán hàng và cung cấp dịch vụ theo loại mặt hàng sản phẩm, dịch vụ. Đối với tiền thu từ dịch vụ môi trường rừng, các DNLN ở Việt Nam đều hạch toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng cho hộ nhận khoán là khoản ghi giảm DT bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ.

b. Thực trạng xử lý, hệ thống hóa thông tin kế toán chi phí

** Thực trạng xử lý, hệ thống hóa CP sản xuất lâm nghiệp*

✓ *Đối với rừng sản xuất*

Theo kết quả khảo sát, 81,1% DNLN có trồng rừng cây lấy gỗ và 41,4% DNLN trồng rừng cây lâm sản ngoài gỗ. Mỗi loại rừng cây có cách theo dõi, hạch toán CP đầu tư trồng, chăm sóc rừng khác nhau.

✓ *Đối với rừng phòng hộ*

Đối với loại rừng này, DNLN thường chỉ thực hiện các công việc trồng dặm nhằm đảm bảo mật độ rừng cây và chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng theo chương trình, dự án của Nhà nước nhằm thực hiện nhiệm vụ công ích.

** Thực trạng xử lý, hệ thống hóa giá vốn hàng bán*

Giá vốn hàng bán của các DNLN bao gồm giá vốn rừng cây khi khai thác (khai thác trắng hoặc tia thưa), giá vốn của các hoạt động chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng hoặc giá vốn dịch vụ môi trường rừng.

** Thực trạng xử lý, hệ thống hóa CP bán hàng và CP QLDN*

Một số DNLN hạch toán các CP phục vụ công tác khai thác rừng trồng vào CP bán hàng, thay vì hạch toán vào giá vốn hàng bán. Ngoài ra, 100% các DNLN đều mở tài khoản chi tiết cấp II cho các TK “CP bán hàng” và TK “CP QLDN”.

** Thực trạng xử lý, hệ thống hóa chi phí tài chính*

Tại một số DNLN, CP lãi vay để đầu tư trồng rừng được hạch toán vào CP tài chính, thay vì được vốn hóa vào CP đầu tư trồng rừng.

** Thực trạng xử lý, hệ thống hóa chi phí khác*

Các khoản CP khác được DNLN hạch toán vào TK 811 “CP khác”. TK này thường không được mở tài khoản chi tiết do số lượng nghiệp vụ phát sinh ít và không thường xuyên.

** Thực trạng xử lý, hệ thống hóa chi phí thuế TNDN*

Các DNLN thường không phát sinh khoản CP thuế TNDN hoãn lại do các doanh nghiệp đều không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế TNDN.

c. Thực trạng xử lý, hệ thống hóa thông tin kế toán kết quả kinh doanh

Ngoài việc xác định KQKD toàn doanh nghiệp, 13,8% DNLN còn thực xác định KQKD theo lĩnh vực hoạt động kinh. Để hạch toán KQKD, các DNLN đều sử dụng TK 911 “Xác định KQKD” và mở Sổ cái TK 911, không mở tài khoản chi tiết và sổ chi tiết cho TK 911.

2.2.1.3. Thực trạng cung cấp thông tin thông kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Tác giả tổng hợp việc trình bày TSSH là rừng cây trên BCTC của các DNLN qua bảng sau:

Loại báo cáo	Rừng cây lấy gỗ	Rừng cây lâm sản ngoài gỗ
Bảng cân đối kế toán	Trình bày chung trong mục: Hàng tồn kho hoặc CP SXKD dở dang dài hạn, không trình bày tại mục riêng biệt để phản ánh giá trị rừng cây.	Trình bày chung trong mục: TSCĐ hữu hình hoặc CP XD CB dở dang, không trình bày tại mục riêng biệt để phản ánh giá trị rừng cây.
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Không có mục lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự biến động giá trị TSSH	Không có mục lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự biến động giá trị TSSH
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Không có dòng tiền thuần phát sinh từ sự biến động giá trị TSSH	Không có dòng tiền thuần phát sinh từ sự biến động giá trị TSSH
Thuyết minh BCTC	Thuyết minh CP SXKD dở dang rừng cây theo giá gốc	Thuyết minh nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại của rừng cây.

2.2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam trên phương diện kế toán quản trị

2.2.2.1. Thực trạng xây dựng định mức, lập dự toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

100% DNLN được khảo sát đã thực hiện xây dựng hệ thống định mức CP và lập dự toán CP. Các DNLN đều tập trung vào lập dự toán các khoản mục CP sản xuất như dự toán CP nguyên vật liệu trực tiếp, CP nhân công trực tiếp trên cơ sở hệ thống định mức kỹ thuật đã quy định. Còn dự toán CP sản xuất chung chỉ được 10,3% DNLN lập do CP này bao gồm nhiều nội dung và không có định mức cụ thể. Ngoài ra, chưa có DNLN nào thực hiện việc lập dự toán CP bán hàng và CP QLDN.

2.2.2.2. Thực trạng thu nhận, xử lý thông tin thực hiện về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

** Thực trạng ghi nhận ban đầu thông tin thực hiện về DT, CP và KQKD*

Các DNLN không tự thiết kế thêm các chứng từ khác cho phù hợp với công tác KTQT. Nhìn chung, hệ thống chứng từ tại các DNLN chỉ đủ để ghi nhận thông tin DT, CP và KQKD phục vụ cho công tác KTTC mà chưa đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin của KTQT.

** Thực trạng xử lý thông tin thực hiện về DT, CP và KQKD*

Quá trình xử lý thông tin thực hiện tại các DNLN được thể hiện chủ yếu thông qua các khía cạnh của phương pháp tính giá. Tác giả nêu rõ nội dung tính giá thành các loại sản phẩm lâm nghiệp gồm: (i) sản phẩm rừng cây lấy gỗ; (ii) sản phẩm rừng cây lâm sản ngoài gỗ; (iii) sản phẩm công ích.

** Thực trạng xác định trung tâm trách nhiệm*

24,1% DNLN được khảo sát có xây dựng các trung tâm trách nhiệm. Tuy nhiên, thực chất các trung tâm CP tại các doanh nghiệp này tương đương với các đội trồng rừng hoặc phân xưởng chế biến.

2.2.2.3. Thực trạng cung cấp thông tin doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

** Thực trạng phân tích biến động DT, CP*

Phần lớn các DNLN có thực hiện việc phân tích biến động CP thực tế với CP dự toán hoặc phân tích tình hình thực hiện kế hoạch SXKD trong năm. Tuy nhiên, các báo cáo phân tích này mới chỉ dừng lại ở việc so sánh giữa kết quả thực hiện và chỉ tiêu kế hoạch hay dự toán, chưa có sự phân tích về nguyên nhân gây ra biến động.

** Thực trạng phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận*

Do các DNLN ở Việt Nam không tiến hành phân loại CP theo mức độ hoạt động thành biến phí và định phí nên các doanh nghiệp cũng không tiến hành phân tích chi phí - khối lượng - lợi nhuận.

** Thực trạng hệ thống báo cáo KTQT DT, CP và KQKD*

Do các DNLN ở Việt Nam hiện nay chủ yếu là doanh nghiệp Nhà nước, chịu sự chỉ đạo điều hành, kiểm soát quản lý từ các Tổng công ty và UBND tỉnh nên nhà quản trị trong các doanh nghiệp thường chỉ sử dụng báo cáo KTQT phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn dựa trên đánh giá hoạt động SXKD hàng năm.

2.3. Đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam

2.3.1. Đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam trên phương diện kế toán tài chính

Tác giả đánh giá những kết quả đạt được và hạn chế trong công tác kế toán DT, CP và KQKD tại các DNLN ở Việt Nam trên phương diện KTTC như sau:

- Về thu nhận thông tin kế toán DT, CP và KQKD
- Về xử lý, hệ thống hóa thông tin kế toán DT, CP và KQKD
- Về trình bày thông tin kế toán DT, CP và KQKD trên BCTC

2.3.1. Đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam trên phương diện kế toán quản trị

Tác giả đánh giá những kết quả đạt được và hạn chế trong công tác kế toán DT, CP và KQKD tại các DNLN ở Việt Nam trên phương diện KTQT như sau:

- Về xây dựng định mức, lập dự toán DT, CP và KQKD
- Về thu nhận, xử lý thông tin thực hiện DT, CP và KQKD
- Về phân tích, cung cấp thông tin DT, CP và KQKD phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản trị.

Đồng thời, tác giả xác định một số nguyên nhân cơ bản của các hạn chế như sau:

- Nhà nước chưa ban hành đầy đủ các bản hướng dẫn cho các DNLN, một loại hình doanh nghiệp đặc thù.

- Các DNLN ở Việt Nam có tiền thân là các doanh nghiệp Nhà nước, có những đặc thù riêng trong cơ cấu tổ chức quản lý, đặc điểm tổ chức SXKD, đặc điểm sản phẩm và thị trường tiêu thụ...

- Trình độ, năng lực chuyên môn của cán bộ kế toán cũng như khả năng đầu tư trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác kế toán tại một số DNLN Việt Nam còn hạn chế.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương 2, tác giả đã khái quát, phân tích, đánh giá thực trạng kế toán DT, CP và KQKD trong các DNLN ở Việt Nam trên hai phương diện KTTC và KTQT, đồng thời minh họa bằng các tài liệu kế toán cụ thể tại một số doanh nghiệp điển hình.

Tác giả đã phân tích ưu điểm, hạn chế cũng như nguyên nhân của những hạn chế trong công tác kế toán DT, CP và KQKD tại các DNLN ở Việt Nam. Đây là căn cứ quan trọng để tác giả đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán DT, CP và KQKD tại các DNLN ở Việt Nam theo mục tiêu đã đề ra.

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP LÂM NGHIỆP Ở VIỆT NAM

3.1. Định hướng phát triển ngành lâm nghiệp

Tác giả đã nghiên cứu quan điểm phát triển ngành lâm nghiệp hiện nay và mục tiêu phát triển ngành lâm nghiệp đến 2030.

3.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam

3.2.1. Yêu cầu hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam

3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam

Việc hoàn thiện kế toán DT, CP và KQKD tại các DNLN ở Việt Nam cần đảm bảo các nguyên tắc sau: Nguyên tắc kế thừa; Nguyên tắc phù hợp; Nguyên tắc thống nhất; Nguyên tắc hiệu quả.

3.3. Giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam

3.3.1. Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam trên phương diện kế toán tài chính

3.3.1.1. Hoàn thiện thu nhận thông tin kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

3.3.1.2. Hoàn thiện xử lý, hệ thống hóa thông tin kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

- * Hoàn thiện việc ghi nhận, đo lường và hạch toán giá trị rừng cây theo định hướng của Chuẩn mực kế toán quốc tế 41 - Nông nghiệp

- * Hoàn thiện việc ghi nhận khai thác tận thu

- * Hoàn thiện hạch toán chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các cá nhân hoặc hộ nhận khoán

- * Hoàn thiện phương pháp trích khấu hao rừng cây lâm sản ngoài gỗ

- * Hoàn thiện tài khoản kế toán CP trồng rừng

- * Hoàn thiện hạch toán trích lập dự phòng rủi ro rừng trồng

- * Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán chi tiết

3.3.1.3. Hoàn thiện cung cấp thông tin kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

- * Hoàn thiện mẫu Bảng cân đối kế toán

- * Hoàn thiện mẫu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

3.3.2. Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam trên phương diện kế toán quản trị

3.3.2.1. Hoàn thiện xây dựng định mức, lập dự toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

* Hoàn thiện xây dựng hệ thống định mức CP

* Hoàn thiện lập dự toán DT, CP và KQKD

3.3.2.2. Hoàn thiện thu nhận, xử lý thông tin thực hiện doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

* Hoàn thiện phân loại DT, CP và KQKD tại các DNLN

* Hoàn thiện phương pháp tính giá thành sản phẩm lâm nghiệp

- Tính giá thành sản phẩm lâm nghiệp có loại trừ giá trị sản phẩm thu hồi

- Tính giá thành sản phẩm lâm nghiệp là sản phẩm song đôi

- Tính giá thành sản phẩm trồng xen thêm dưới tán cây gỗ lớn

* Hoàn thiện phân bổ CP bán hàng và CP QLDN

* Hoàn thiện hệ thống hóa thông tin thực hiện về DT, CP

* Hoàn thiện xây dựng trung tâm trách nhiệm trong các DNLN

3.3.2.3. Hoàn thiện cung cấp thông tin doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

* Hoàn thiện phân tích biến động DT, CP

* Hoàn thiện ứng dụng phân tích C-V-P

* Hoàn thiện báo cáo KTQT DT, CP và KQKD

3.4. Điều kiện thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam

3.4.1. Về phía Nhà nước và các cơ quan chức năng

Nhà nước và các cơ quan chức năng cần nghiên cứu ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam về “Nông nghiệp” dựa trên Chuẩn mực kế toán quốc tế số 41 và có chỉnh sửa phù hợp với điều kiện Việt Nam

nhằm tạo cơ sở pháp lý cho quá trình kế toán hoạt động nông nghiệp.

3.4.2. Về phía các tổ chức hiệp hội nghề nghiệp

3.4.3. Về phía các doanh nghiệp lâm nghiệp Việt Nam

Thứ nhất, bản thân nhà quản trị doanh nghiệp cần có sự hiểu biết về công tác kế toán ở mức độ nhất định.

Thứ hai, cần nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán trong doanh nghiệp.

Thứ ba, các DNLN cần tổ chức hệ thống thông tin thống nhất, liên kết giữa các bộ phận, phòng ban chức năng với phòng kế toán để thuận tiện trong việc trao đổi, thu nhận thông tin kế toán.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong chương 3, trên cơ sở phân tích, đánh giá những ưu điểm và hạn chế còn tồn tại trong thực trạng kế toán DT, CP và KQKD tại các DNLN ở Việt Nam. Tác giả đã đưa ra các nhóm giải pháp hoàn thiện kế toán DT, CP và KQKD tại các DNLN ở Việt Nam trên cả hai phương diện KTTC và KTQT nhằm tăng cường hiệu quả của thông tin kế toán phục vụ cho các đối tượng sử dụng thông tin cả bên trong và ngoài doanh nghiệp.

Đồng thời để thực hiện tốt các giải pháp trên, tác giả đưa ra các kiến nghị và điều kiện thực hiện giải pháp về phía Nhà nước, các tổ chức hiệp hội nghề nghiệp và về phía các DNLN ở Việt Nam.

KẾT LUẬN CHUNG

Trong xu thế hội nhập quốc tế như hiện nay, ngành lâm nghiệp Việt Nam luôn giữ vai trò quan trọng, đóng góp giá trị trên các mặt kinh tế - xã hội - môi trường và an ninh quốc phòng của đất nước. Để đứng vững và phát triển hiệu quả, các DNLN phải thực sự đổi mới sâu sắc và toàn diện hệ thống kế toán. Trong đó, kế toán DT, CP và KQKD chiếm một vị trí quan trọng. Với việc lựa chọn đề tài “*Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp lâm nghiệp ở Việt Nam*”, theo mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra, luận án đã thực hiện được các nội dung sau đây:

Thứ nhất, luận án đã trình bày một cách có hệ thống khung lý luận cơ bản về kế toán DT, CP và KQKD trong doanh nghiệp trên hai phương diện KTTC và KTQT. Trong đó, KTTC DT, CP và KQKD được tiếp cận dưới góc độ các chuẩn mực kế toán quốc tế, cũng như các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam. KTQT DT, CP và KQKD được tiếp cận với các nội dung gắn với quá trình quản trị nội bộ doanh nghiệp.

Thứ hai, trên cơ sở khung lý luận cơ bản về kế toán DT, CP và KQKD trong DNLN, bằng việc kết hợp các phương pháp nghiên cứu định tính, luận án đã phản ánh thực trạng kế toán DT, CP và KQKD tại các DNLN ở Việt Nam trên hai phương diện KTTC và KTQT. Đồng thời phân tích, đánh giá ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong kế toán DT, CP và KQKD tại các doanh nghiệp này.

Thứ ba, luận án đã đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán DT, CP và KQKD phù hợp với đặc thù loại hình DNLN, đặc điểm tổ chức hoạt động SXKD, nhằm nâng cao mối quan hệ tương quan giữa hệ thống KTTC và KTQT trong các DNLN ở Việt Nam. Đồng thời, chỉ rõ điều kiện thực hiện các giải pháp.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ

1. Nguyễn Thị Quỳnh Trang (2018), “*Về quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định trong kiểm toán báo cáo tài chính*”, Tạp chí Tài chính, ISSN - 2615 - 8973, kỳ 2 - tháng 3/2018 (677), trang 59 - 62.

2. Nguyễn Thị Quỳnh Trang (2018), “*Một số đề xuất về công tác kiểm soát chi phí tại Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam*”, Tạp chí Tài chính, ISSN - 2615 - 8973, kỳ 2 - tháng 11/2018 (693), trang 68 - 70.

3. Nguyễn Thị Quỳnh Trang (2019), “*Phương hướng vận dụng kế toán trách nhiệm trong các doanh nghiệp chế biến gỗ*”, Tạp chí Tài chính, ISSN - 2615 - 8973, kỳ 2 - tháng 10/2019 (715), trang 53 - 55.

4. Nguyễn Thị Quỳnh Trang (2020), “*Bàn về phương pháp xác định giá thành sản phẩm tại các doanh nghiệp lâm nghiệp Việt Nam*”, Tạp chí Tài chính, ISSN - 2615 - 8973, kỳ 2 - tháng 8/2020 (735), trang 49 - 51.

5. Nguyễn Thị Quỳnh Trang (2020), “*Discussion on recognition of biological assets in Vietnamese forestry enterprises*”, Review of finance, ISSN - 2615 - 8981, Vol. 3, Issue 3, 2020.